

11. Ông Phan Khắc Hải, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

12. Ông Đỗ Như Đính, Thứ trưởng Bộ Thương mại, Ủy viên.

13. Ông Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

14. Ông Đàm Hữu Đắc, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

15. Ông Hoàng Văn Huây, Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy viên.

16. Ông Trần Chí Liêm, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.

17. Ông Lê Vũ Hùng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên.

18. Ông Lù Văn Que, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Ủy viên.

19. Ông Nguyễn Huy Luận, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, Ủy viên.

20. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc, Phó Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy viên.

21. Ông Vũ Văn Hiến, Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy viên.

22. Ông Lê Thành, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an, Ủy viên.

23. Ông Nguyễn Ty Niên, Cục trưởng Cục phòng, chống lụt, bão và quản lý đê điều - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên Thường trực.

Điều 2. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương có nhiệm vụ giúp Chính phủ:

- Đôn đốc, kiểm tra các ngành, các địa phương lập và thực hiện các phương án, kế hoạch công tác phòng, chống lụt, bão hàng năm.

- Ra lệnh điều động nhân lực, phương tiện để ứng cứu kịp thời những tình huống cấp bách vượt quá khả năng xử lý của ngành và địa phương.

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức khắc phục hậu quả do lũ, bão gây ra.

- Tổ chức tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão, phổ biến các kinh nghiệm và các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác phòng, chống lụt, bão cho các ngành và địa phương.

Điều 3. Nhiệm vụ của các Phó trưởng ban và các Ủy viên trong Ban do Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương phân công.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số 354/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 1998.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương và các ông, bà có tên tại Điều 1 trên đây chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẠ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 13/1999/TTLT-
BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày
08/5/1999 hướng dẫn cho vay Quỹ
quốc gia hỗ trợ việc làm và lập
Quỹ giải quyết việc làm địa phương.**

Căn cứ Nghị quyết số 120/HĐBT ngày 11/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới;

Căn cứ Nghị định số 72/CP ngày 31/10/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 126/1998/QĐ-TTg ngày 11/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm đến năm 2000;

Để nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện như sau:

I. VỀ CHO VAY VỐN TẠO VIỆC LÀM

1. Đối tượng được vay:

1.1. Hộ gia đình (kể cả hộ gia đình lực lượng vũ trang ở các làng quân nhân, hộ gia đình công nhân nghỉ việc dài ngày), thành viên của các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng có nhu cầu vay vốn tự tạo việc làm;

1.2. Tổ hợp sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người tàn tật (gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh), có dự án tạo chỗ việc làm mới, thu hút thêm lao động.

Trong các đối tượng kể trên, ưu tiên cho lao động nữ mất việc làm được vay vốn.

2. Nội dung sử dụng vốn vay:

2.1. Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, đánh bắt thủy, hải sản để mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh;

2.2. Bổ sung vốn mua nguyên vật liệu, cây, con giống; các chi phí chăm sóc cây trồng, vật nuôi đến khi thu hoạch.

3. Điều kiện để được vay vốn:

3.1. Hộ gia đình phải có hộ khẩu thường trú

tại địa phương nơi thực hiện dự án, có đơn đề nghị vay vốn gửi chủ dự án (đối với dự án có nhiều hộ vay); nếu là pháp nhân phải có dự án vay vốn phù hợp với ngành nghề ghi trong giấy phép kinh doanh;

3.2. Dự án tập thể phải có bảo lãnh bằng tín chấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dự án cấp xã, phường), của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận (đối với dự án cấp huyện, quận) hoặc của người đứng đầu tổ chức đoàn thể, quần chúng cấp huyện, quận đối với các dự án do đoàn thể, hội quần chúng quản lý;

3.3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản thế chấp khi vay vốn.

4. Mức vốn cho vay:

4.1. Đối với hộ gia đình, mức vay tối đa không quá 10 triệu đồng, ít nhất phải tạo ra một chỗ làm việc mới hoặc tăng thêm thời gian làm việc tương ứng với một lao động;

4.2. Đối với dự án có nhiều hộ vay vốn, mức vay phụ thuộc vào số hộ thực hiện dự án, nhưng mức vay của mỗi hộ tối đa không quá 10 triệu đồng;

4.3. Đối với dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa không quá 300 triệu đồng và không quá 10 triệu đồng trên một chỗ làm việc mới.

5. Thời hạn cho vay:

5.1. Thời hạn 12 tháng:

- Chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm;
- Nuôi thủy, hải sản;
- Trồng cây lương thực, hoa màu.

5.2. Thời hạn 24 tháng:

- Chăn nuôi đại gia súc lấy thịt, con đặc sản;
- Trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây được liệu, cây cảnh...;
- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

5.3. Thời hạn 36 tháng:

- Mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thủy, bộ loại vừa và nhỏ, ngư cụ đánh bắt thủy, hải sản,...;

- Chăn nuôi đại gia súc để sinh sản, lấy sữa, lấy lông, lấy sừng;

- Trồng cây ăn quả lâu năm;

- Trồng cây công nghiệp dài ngày.

Nếu dự án có chu kỳ sản xuất dài hơn thời gian được vay và thực hiện đúng dự án được duyệt, có thể được xem xét cho vay tiếp đến khi thu hoạch.

6. Lãi suất cho vay:

- Nguyên tắc: Thấp hơn lãi suất ngân hàng thương mại. Mức cụ thể từng thời kỳ do Bộ Tài chính quy định sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nguồn tiền lãi thu về, được sử dụng chi quản lý phí, bù vốn rủi ro bất khả kháng, nếu còn dư bổ sung Quỹ cho vay.

7. Xây dựng dự án:

- Các đối tượng vay vốn phải lập dự án;

- Dự án phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án;

- Một đối tượng chỉ được vay theo một kênh nhất định.

8. Thẩm định cho vay:

8.1. Ở cấp huyện (bao gồm: quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tổ chức thẩm định và ghi vào phiếu thẩm định dự án; tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét và ghi ý kiến đề nghị cho vay vào biểu tổng hợp;

- Thời gian kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đến khi thẩm định xong ở cấp huyện tối đa không quá 15 ngày.

8.2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh):

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước kiểm tra, xem xét từng hồ sơ dự án và thẩm định lại (khi cần thiết), tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Thời gian thẩm định, quyết định cho vay tối đa không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.

8.3. Đối với dự án do cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng quản lý:

- Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định dự án và trình tổ chức đoàn thể, hội quần chúng cấp trên. Thời gian nhận, thẩm định dự án tối đa không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án;

- Cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng xét quyết định cho vay. Thời gian xét quyết định cho vay tối đa không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.

8.4. Quyết định cho vay của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng và biểu tổng hợp các dự án được vay phải gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước Trung ương (ngay sau khi có Quyết định) để tổng hợp, theo dõi, quản lý. Trong Quyết định, ghi rõ nguồn vốn sử dụng cho vay.

9. Chuyển vốn cho vay:

- Căn cứ hạn mức và kế hoạch chuyển vốn (đối với địa phương) hoặc Quyết định cho vay (đối với cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng), Bộ Tài chính làm thủ tục cấp vốn cho Kho bạc Nhà nước Trung ương bằng hình thức lệnh chi tiền để làm nguồn vốn cho vay.

- Kho bạc Nhà nước Trung ương căn cứ thông báo chuyển vốn của Bộ Tài chính, chậm nhất không quá 5 ngày, chuyển vốn về Kho bạc Nhà nước địa phương nơi có dự án được duyệt để tổ chức cho vay theo quy định.

10. Phát tiền vay:

10.1. Căn cứ Quyết định duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước nơi phát tiền vay có trách nhiệm hướng dẫn các đối tượng vay vốn làm thủ tục thế chấp tài sản hoặc bảo lãnh, cùng đại diện bên vay ký hợp đồng tín dụng theo quy định tại Thể lệ cho vay của Bộ Tài chính.

10.2. Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định cho vay, Kho bạc Nhà nước phải trực tiếp phát tiền đến người vay. Đối với dự án có nhiều hộ vay, Kho bạc Nhà nước có thể ủy thác cho chủ dự án thực hiện phát tiền vay đến hộ. Việc ủy thác phải đảm bảo quản lý tốt nguồn vốn, thu hồi đầy đủ và đúng hạn cho Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm.

10.3. Đối với các dự án đã duyệt, nhưng không cho vay được, Kho bạc Nhà nước phải báo cáo ngay với cơ quan ra quyết định cho vay để xem xét, giải quyết.

11. Gia hạn nợ, cho vay lại:

11.1. Gia hạn nợ:

- Đối với dự án đến hạn trả nợ, nhưng sản xuất chưa được thu hoạch, chủ dự án có nhu cầu gia hạn, phải làm đơn giải trình rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi cho vay để xem xét, giải quyết.

- Căn cứ đơn xin gia hạn nợ, Kho bạc Nhà nước tiến hành kiểm tra và giải quyết gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 06 tháng.

11.2. Cho vay lại:

- Dự án có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dài hơn thời hạn được vay, đã sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, chủ dự án có nhu cầu vay thêm một thời hạn để duy trì sản xuất, ổn định

việc làm cho người lao động, thì trước khi đến hạn trả nợ, phải có báo cáo kết quả sử dụng vốn vay và đơn đề nghị vay lại;

- Quy trình thẩm định và thẩm quyền cho vay lại thực hiện như đối với dự án vay lần đầu, nhưng không phải lập lại dự án;

- Dự án được duyệt vay lại chưa phải trả nợ gốc trước khi làm thủ tục vay lại, nhưng phải trả đủ số tiền lãi trong thời hạn đã vay. Để đảm bảo tính liên tục trong quá trình sử dụng vốn, các thủ tục duyệt cho vay lại phải hoàn chỉnh trước ngày đến hạn trả nợ;

- Đối với các đối tượng có nhu cầu vay thêm vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh, thu hút thêm lao động, thì chủ dự án phải có tài liệu chứng minh và gửi đến các cơ quan có liên quan để giải quyết theo trình tự duyệt vay lần đầu.

12. Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi:

- Kho bạc Nhà nước tiến hành thu hồi nợ đến hạn; chủ dự án có thể trả vốn trước hạn;

- Vốn thu hồi được dùng để cho vay quay vòng các dự án khác do địa phương, các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng quản lý;

- Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng phải có kế hoạch sử dụng vốn và duyệt các dự án phù hợp với số vốn thu hồi hàng tháng, quý; không để vốn tồn đọng ở Kho bạc;

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn cho vay giữa các địa phương, các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng hoặc thu về Kho bạc Nhà nước Trung ương, liên Bộ sẽ có văn bản.

13. Xử lý các dự án nợ quá hạn:

- Vốn nợ quá hạn không phải do các nguyên nhân bất khả kháng và không thuộc đối tượng được giải quyết gia hạn hoặc cho vay lại, chủ dự án phải có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi cho Kho bạc nhà nước;

- Sau 03 tháng kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn, nếu đã được đôn đốc trả nợ, nhưng chủ dự án vẫn cố tình dây dưa thì Kho bạc Nhà nước chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo quy định hiện hành để thu hồi vốn, trường hợp nghiêm trọng, đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

II. LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM ĐỊA PHƯƠNG

1. Quỹ giải quyết việc làm địa phương là một bộ phận của Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, được trích từ ngân sách địa phương hàng năm (ngân sách cấp tỉnh) và các nguồn vốn khác dành cho lĩnh vực việc làm. Quỹ được quản lý tập trung qua Kho bạc Nhà nước.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương và nhu cầu giải quyết việc làm tại địa phương, bố trí một phần kinh phí trong dự toán ngân sách địa phương để lập Quỹ giải quyết việc làm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Sử dụng quỹ:

3.1. Cho vay theo dự án tạo việc làm:

- Dành khoảng 80 - 85% nguồn Quỹ để làm vốn cho vay giải quyết việc làm. Việc quản lý, thực hiện cho vay theo hướng dẫn tại mục I của Thông tư này;

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch bổ sung vốn vay giải quyết việc làm trong năm được duyệt; hàng quý, Sở Tài chính - Vật giá chuyển vốn cho Kho bạc Nhà nước tỉnh bằng hình thức lệnh chi tiền để làm nguồn vốn cho vay.

3.2. Hỗ trợ vốn:

Dành khoảng 15 - 20% nguồn Quỹ để hỗ trợ cơ sở vật chất các trung tâm dịch vụ việc làm, các

dự án đào tạo nghề, khuyến nông - lâm - ngư, quản lý chương trình từ cơ sở đến tỉnh.

III. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách cấp mới và kế hoạch sử dụng vốn thu hồi cho từng cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng, địa phương để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chính phủ xem xét quyết định;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm theo đúng mục tiêu của Chương trình;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế, quản lý và điều hành Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; hướng dẫn các địa phương xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý Quỹ giải quyết việc làm của địa phương theo quy định tại Thông tư này;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách cấp mới cho Chương trình, tổng hợp vào kế hoạch ngân sách hàng năm để Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định;

- Đảm bảo ngân sách cấp mới cho Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm theo dự toán ngân sách được duyệt;

- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý và sử dụng quỹ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán ngân sách cấp mới cho Chương trình, tổng hợp, đưa vào dự toán ngân sách chung của Nhà nước hàng năm để Chính phủ xem xét và trình Quốc hội quyết định;

- Tổng hợp kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách cấp mới, vốn thu hồi hàng năm cho cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng, và địa phương, trình Chính phủ xét và giao kế hoạch thực hiện;

- Tham gia nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý và điều hành Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng mục tiêu của Chương trình.

4. Các cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng:

- Tổ chức thực hiện, quản lý vốn của Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm đã được Chính phủ giao;

- Phân bổ cho tổ chức đoàn thể, hội quần chúng cấp tỉnh chỉ tiêu kế hoạch vốn vay (bao gồm vốn bổ sung mới, vốn thu hồi) và chỉ tiêu giải quyết việc làm đã được Chính phủ giao;

- Hướng dẫn các cấp đoàn thể ở địa phương xây dựng dự án vay vốn theo quy định;

- Xét và ra quyết định cho vay các dự án thuộc phạm vi quản lý;

- Chỉ đạo các cấp đoàn thể ở địa phương thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện; định kỳ quý, 6 tháng, năm báo cáo với liên Bộ.

5. Kho bạc Nhà nước Trung ương:

- Hướng dẫn các thủ tục cho vay;

- Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp dưới thực hiện

các thủ tục cho vay, đảm bảo chặt chẽ, đơn giản, tránh phiền hà cho nhân dân;

- Quản lý, tổng hợp, phân phối tiền lãi theo quy định;

- Định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho vay từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm với liên Bộ.

6. Ở các địa phương:

6.1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Giao chỉ tiêu về việc làm và vốn vay cho Ủy ban nhân dân các huyện;

- Tổ chức thực hiện, quản lý vốn hỗ trợ việc làm đã được Chính phủ giao;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nguồn vốn về việc làm tại địa phương và báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, cả năm với liên Bộ.

6.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách cấp mới và vốn thu hồi cho từng huyện, tổ chức đoàn thể để Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm tra, thẩm định các dự án vay vốn trình Ủy ban nhân dân tỉnh, xem xét quyết định; trong đó chịu trách nhiệm chính về mục tiêu, đối tượng vay vốn; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, giải quyết các dự án bị rủi ro theo quy định; kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm;

- Hướng dẫn các đối tượng trên địa bàn xây dựng dự án vay vốn;

- Hướng dẫn các Trung tâm dịch vụ việc làm xây dựng các dự án hỗ trợ trang thiết bị dạy nghề, dịch vụ việc làm; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch

và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá tổ chức thẩm định dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tổ chức tuyên truyền về mục tiêu, nội dung và các chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm.

6.3. Sở Tài chính - Vật giá:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, thành phố) cấp mới cho chương trình hàng năm để Ủy ban nhân dân tỉnh xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách cấp mới, vốn thu hồi cho từng huyện, tổ chức đoàn thể để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, giao kế hoạch thực hiện;

- Hướng dẫn, kiểm tra quyết toán sử dụng kinh phí từ lãi của các cơ quan quản lý Chương trình tại địa phương;

- Phối hợp với Kho bạc Nhà nước trong việc định giá tài sản thế chấp.

6.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá đề xuất mức trích lập Quỹ giải quyết việc làm từ ngân sách địa phương hàng năm, trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh xét, quyết định;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính - Vật giá phân bổ chỉ tiêu kế hoạch giải quyết việc làm và chỉ tiêu kế hoạch vốn vay (từ ngân sách trung ương và địa phương) cho huyện, tổ chức đoàn thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, quyết định;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả cho vay từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm.

6.5. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng kiểm tra, thẩm định các dự án vay vốn; tổ chức cấp phát tiền vay và thu hồi nợ khi đến hạn; chịu trách nhiệm chính về điều kiện vay, mức vay và mục đích sử dụng vốn;

- Phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan trong việc xử lý các dự án bị rủi ro bất khả kháng và nợ quá hạn trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Thực hiện phân phối tiền lãi theo quy định; phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá kiểm tra, tổng hợp quyết toán việc sử dụng kinh phí từ lãi của các cơ quan quản lý Chương trình tại địa phương;

- Hàng tháng, quý báo cáo tình hình cho vay, thu nợ với Ban chỉ đạo giải quyết việc làm địa phương và Kho bạc Nhà nước cấp trên (theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước Trung ương).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Trung ương tổ chức đoàn thể, hội quần chúng căn cứ nội dung hướng dẫn tại Thông tư này, chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm thuộc phạm vi quản lý; đẩy nhanh tiến độ cho vay vốn, kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh, quản lý Quỹ chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo hệ thống nghiệp vụ của ngành thực hiện Thông tư này.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây hướng dẫn về chính sách vay vốn đối với các dự án nhỏ giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120/HĐBT

ngày 11/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) hết hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thủ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thủ trưởng

PHAN QUANG TRUNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**